

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/11/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25/11-27/11/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Đập Dâng Ngàn Trươi
7. Địa chỉ: Xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	38.0	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.68	-
3	TSS		µm/s	41.28	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.34	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	0.3	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.004	-
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.056	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.06	-
10	Độ cứng (CaCO ₃)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	10.7	-

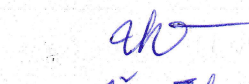
Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN


Nguyễn Văn Thắng


Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Vũ Quang*
6. Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *: 25/11-27/11/2025*
8. Kết quả:

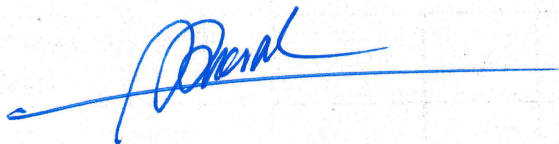
TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.39	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.66	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.06	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.53	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.9	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.002	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	2	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.009	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	14.3	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

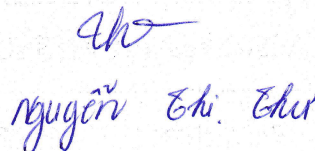
Hà Tĩnh, ngày *27* tháng *11* năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



nguyễn Thị Thư

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
- Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Vũ Quang -Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
- Lượng mẫu: *2000ml*
- Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
- Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Đặng Minh Tiến, T3, xã Vũ Quang*
 - *M2: Lê Thị Hoàn, T4, xã Vũ Quang*
 - *M3: Dương Trí Thức. T4, Vũ Quang*
- Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
- Ngày thử nghiệm: *25/11-27/11/2025*
- Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.4	0.43	0.31	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.68	6.66	6.65	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.02	49.95	49.58	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.51	0.53	0.53	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	0.7	0.7	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.003	0.003	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	2	3	0	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017

10	Độ cứng	14.1	15.0	14.7	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017
11	Mangan tổng số (Mn)	0.009	0.007	0.007	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.

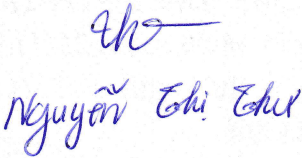
Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 4 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/11/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25-27/11/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngàn Phố
7. Địa chỉ: Xã Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	16.7	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.54	-
3	TSS		µm/s	42.6	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.28	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017	mg/l	0.4	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.003	-
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.025	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.06	-
10	Độ cứng (CaCO ₃)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	11.4	-

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Phố Châu*
6. Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/11-27/11/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.61	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.98	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	34.17	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.74	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.4	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	3	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.011	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	8.4	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.

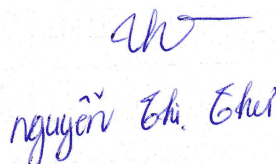
Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Thị Thư

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Phố Châu- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Nguyễn Anh Tuấn, T6, xã Hương Sơn*
 - *M2: Nguyễn Thị Hương, T4, xã Hương Sơn*
 - *M3: Phan Xuân Thắng, T3, xã Hương Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/11-27/11/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.66	0.57	0.41	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.85	6.85	6.75	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	62.28	61.73	61.97	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.77	0.51	0.66	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.02	0.02	0.03	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.7	0.5	0.8	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.004	0.002	0.004	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	2	2	2	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017

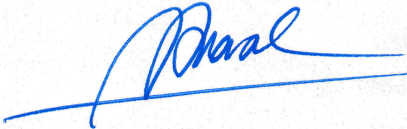
10	Mangan tổng số (Mn)	0.01	0.016	0.017	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng (CaCO ₃)	9.7	8.8	8.6	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.

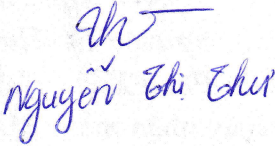
Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 1 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỦ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu: *Bể chứa trạm xử lý Tây Sơn*
6. Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/11-27/11/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả	Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.42	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.75	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	49.62	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.51	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ₂ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.4	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ - B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.003	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ - B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	2	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.023	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998
11	Độ cứng	14.3	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017

*Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 1-1:2024/BYT.*

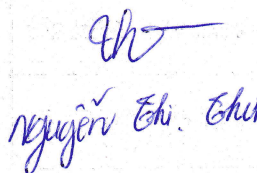
Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỬ NGHIỆM VIÊN



Nguyễn Văn Thắng



Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC MẶT

1. Thời gian lấy mẫu: 25/11/2025
2. Thời gian thử nghiệm: 25-27/11/2025
3. Điều kiện môi trường thử nghiệm: ; Nhiệt độ: ; Độ ẩm:
4. Mục đích lấy mẫu: Kiểm tra chất lượng nước mặt tại vị trí khai thác .
5. Lấy mẫu: Nhân viên phòng chất lượng
6. Vị trí lấy mẫu: Sông Ngân Sâu
7. Địa chỉ: Xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Kết quả phân tích:

TT	Thông số phân tích	Phương pháp/ thiết bị	Đơn vị đo	Kết quả	Giới hạn tối đa *
1	Độ đục	SMEWW 2130B: 2017	NTU	17.5	-
2	pH	TCVN 6492:2011	-	6.7	-
3	TSS		µm/s	39.61	-
4	Sắt tổng số (Fe)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.27	-
5	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ B: 2017	mg/l	0.4	-
6	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017	mg/l	0.002	-
7	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017	mg/l	0	-
8	Mangan tổng số (Mn)	Us EPA Method 6020A: 1998	mg/l	0.03	-
9	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	TCVN 6179-1:1996	mg/l	0.06	-
10	Độ cứng (CaCO ₃)	SMEWW 2340B: 2017	mg/l	9.4	

Ghi chú: * Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08: 2023/ BTNMT.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Thắng

THỬ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Thị Thu

.../2025/BPQLCL

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên mẫu: *Nước sinh hoạt*
2. Đơn vị được thử nghiệm: *Trạm Tây Sơn- Chi nhánh cấp nước Hương Sơn*
3. Lượng mẫu: *2000ml*
4. Mô tả tình trạng mẫu: *Đạt*
5. Vị trí lấy mẫu:
 - *M1: Phạm Thị Liên, K1, xã Sơn Tây*
 - *M2: Trần Thị Thuỷ, K4, xã Sơn Tây*
 - *M3: Nguyễn Thanh Nhân, K7, xã Sơn Tây*
6. Ngày nhận mẫu: *25/11/2025*
7. Ngày thử nghiệm: *25/11-27/11/2025*
8. Kết quả:

TT	Thông số phân tích	Kết quả			Đơn vị	Giới hạn tối đa *	Phương pháp thử
		M1	M2	M3			
1	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW (2150 + 2160): 2017
2	Độ đục	0.33	0.36	0.38	NTU	2.0	SMEWW 2130B: 2017
3	pH	6.64	6.55	6.61	-	6 - 8.5	TCVN 6492:2011
4	TSS	50.43	49.87	50.27	µm/s	-	
5	Clo tự do	0.51	0.52	0.53	mg/l	0.2 - 1	SMEWW 4500 - Cl ⁻ .G: 2017
6	Sắt tổng số (Fe)	0.01	0.01	0.01	mg/l	0.3	Us EPA Method 6020A: 1998
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	0.6	0.5	0.6	mg/l	11	SMEWW 4500-NO ₃ -B: 2017
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ - N)	0.005	0.002	0.002	mg/l	0.9	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ B: 2017
9	Sunphat (SO ₄ ²⁻)	2	0	2	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ E: 2017
10	Mangan tổng số (Mn)	0.005	0.002	0.002	mg/l	0.1	Us EPA Method 6020A: 1998

11	Độ cứng	14.1	15.0	14.7	mg/l	300	SMEWW 2340B:2017
----	---------	------	------	------	------	-----	---------------------

Ghi chú: * Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt QCVN 01-1:2024/BYT.

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 11 năm 2025

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**

THỦ NGHIỆM VIÊN

Nguyễn Văn Thắng

Nguyễn Thị Thu